

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2019/HS-ST**

Ngày 14/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Duy Khương**

2/ Bà **Danh Mỹ Hạnh**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Lý Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2019/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2019, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/QĐXXST– HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Danh H (C); sinh ngày 10/6/1998; Nơi cư trú: Tổ 6, ấp AT, xã BA, huyện CT, tỉnh KG; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Con ông Danh H (chết) và bà Thị N; sinh năm 1964; Vợ tên Thị Ng; sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra, sau đó tiếp tục phạm tội và bị bắt từ ngày 13/02/2019, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Chị **Lê Thị Hoàng Ph;** sinh năm 1979 (có mặt)

Trú tại: ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị **Trương Thị Th D;** sinh năm 1972 (vắng mặt)

Trú tại: ấp AB, xã BAn, huyện CT, tỉnh KG

2/ Bà **Thị N;** sinh năm 1964 (có mặt)

Trú tại: ấp AT, xã BA, huyện CT, tỉnh KG

Người làm chứng: Anh **Lê Văn H1**; sinh năm 1971 (có mặt)

Trú tại: ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình sinh sống tại ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG địa phương, Danh H nhìn thấy chị Lê Thị Hoàng Ph nhà ở cùng ấp thường ngày đeo sợi dây chuyền vàng nên H nảy sinh ý định tìm cách chiếm đoạt sợi dây chuyền của chị Ph. Đến khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 01 tháng 11 năm 2018 Danh H điều khiển xe mô tô (không rõ biển số kiểm soát) đến đậu xe ở ngoài đường, cách nhà của chị Ph khoảng 100m rồi đi bộ vào nhà của chị Ph, H quan sát thấy những người trong nhà của chị Ph đã ngủ nên H dùng tay bẻ lam cửa chính bằng gỗ để mở chốt cửa rồi đột nhập vào trong nhà, H đến phòng của chị Ph thấy cửa phòng không có khóa nên H đi vào trong phòng thấy chị Ph đã ngủ say, H liền vén mùng lên liền dùng tay giật lấy 01 sợi dây chuyền vàng của chị Ph đang đeo trên người rồi bỏ chạy ra ngoài thì chị Ph giật mình phát hiện sợi dây chuyền đang đeo trên người bị mất liền truy hô nên anh Lê Văn H1 (chồng của chị Ph) thức giấc truy đuổi H nhưng không kịp. Trong quá trình lần trốn, do sợ bị phát hiện nên H đi đến nơi H đậu xe dùng tay bẻ biển số xe ném bỏ xuống mương rẫy khóm gần đó rồi chạy về nhà.

Khi về đến nhà, H mang sợi dây chuyền vàng vừa trộm được đến tiệm vàng MT do chị Trương Thị Thu D làm chủ ở ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG bán được 4.920.000 đồng sử dụng hết vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 03 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thể hiện: Dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,6 chỉ có giá trị định giá tại thời điểm là 5.859.000 đồng.

Sau khi bị mất trộm tài sản, chị Ph đến Công an xã Bình An, huyện Châu Thành trình báo sự việc, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ngày 13 tháng 11 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Danh H về hành vi trộm cắp tài sản.

Đối với chị Trương Thị Thu D đã mua sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,6 chỉ của Danh H mang đến bán thì chị D hoàn toàn không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị D là phù hợp..

Vật chứng thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra đã chứng minh và xử lý:

- 01 cây cưa có lưỡi bằng kim loại, có tay cầm màu cam – đen, dài 51,5^{cm}.

- 01 cây kéo bằng kim loại, có tay cầm bằng nhựa màu xanh, dài 23,5^{cm}.

- 01 cây dao có lưỡi bằng kim loại, có tay cầm bằng nhựa màu đen, dài 31^{cm}.

đều đã qua sử dụng, đều là tài sản của H mang theo trên xe đã bỏ lại hiện trường đến nay không còn giá trị sử dụng, cần phải tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô loại xe Wave Trung Quốc, màu đỏ, không có biển kiểm soát, có khối khung: VDP1P52FMH700319, số máy: WC110*201002137* đã qua sử dụng là của bà Thị N (mẹ ruột của H) mua lại của người khác (không xác định rõ họ tên và địa chỉ) nhưng chưa sang tên, không có giấy đăng ký xe và cũng không xác định được người đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã tiến hành xác minh cũng như thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng không có kết quả, vì vậy cần phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Đối với biển số xe, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, do sợ bị phát hiện nên H đã ném bỏ xuống ruộng rẫy khóm thuộc ấp An Bình, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã tổ chức truy tìm nhưng kết quả không tìm thấy.

- Đối với sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,6 chỉ của Danh H mang đến bán cho chị Trương Thị Thu D. Sau khi mua xong, chị D đã đưa cho anh Giang Hán T (chồng của chị D) nấu chảy ra và đổ lại rồi bán cho người khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang không thu được.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án bị phát hiện người bị hại chị Lê Thị Hoàng Ph yêu cầu Danh H phải trả lại tài sản đã bị H chiếm đoạt theo kết quả định giá là 5.859.000 đồng nhưng đến nay H đã trả được 2.500.000 đồng, còn lại 3.359.000 đồng buộc H phải tiếp tục trả cho chị Ph. Riêng đối với chi phí sửa chữa tài sản bị hư hỏng do Danh H đã gây ra thì chị Ph không yêu cầu, do đó không xem xét.

Tại bản cáo trạng số: 13/CT- VKS- CT ngày 12/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Danh H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Danh H phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Danh H** từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 585 và Điều 589 BLDS, xử buộc bị cáo Danh H phải bồi thường lại cho chị Lê Thị Hoàng Ph số tiền còn lại là 1.859.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS, xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01 cây cưa có lưỡi bằng kim loại, có tay cầm màu cam – đen, dài 51,5^{cm}; 01 cây kéo bằng kim loại, có tay cầm bằng nhựa màu xanh, dài 23,5^{cm} và 01 cây dao có lưỡi bằng kim loại, có tay cầm bằng nhựa màu đen, dài 31^{cm} đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 xe mô tô loại xe Wave Trung Quốc, màu đỏ, không có biển kiểm soát, có khối khung: VDP1P52FMH700319, số máy: WC110*201002137* đã qua sử dụng; không có giấy đăng ký xe và cũng không xác định được người đứng tên chủ sở hữu.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Danh H và chị Lê Thị Hoàng Ph là người cùng cư ngụ tại ấp AB, xã BA, huyện CT, tỉnh KG nên H phát hiện chị Ph có đeo sợi dây chuyền vàng 18K nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt. Đến khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 01/11/2018 lợi dụng gia đình chị Ph đã ngủ say, H lén lút đột nhập vào nhà giật lấy sợi dây chuyền của chị Ph rồi bỏ chạy. Theo như kết quả định giá tài sản thì sợi dây chuyền mà H chiếm đoạt của chị Ph có giá trị là 5.859.000 đồng. Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*. Như vậy, hành vi lén lút đột nhập vào nhà bị hại để chiếm đoạt sợi dây chuyền vàng có giá trị 5.859.000 đồng của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như đã viện dẫn nêu trên.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi bị cáo nhận thức được “Trộm cắp tài sản” là hành vi vi phạm pháp luật. Thế nhưng chỉ vì tham lam chạy lười lao động mà lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khi nhìn thấy chị Ph có đeo sợi dây chuyền vàng bị cáo liền nảy sinh ý định và nhanh tay lấy cắp đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của chị Ph được pháp luật bảo vệ mà còn tạo tâm lý bất an cho người dân trong việc bảo quản, giữ gìn tài sản của mình, làm cho họ không an tâm lao động, công tác, sản xuất gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó, HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên việc am hiểu pháp luật có phần còn hạn chế; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả cho bị hại nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại chị Lê Thị Hoàng Ph yêu cầu bị cáo bồi thường lại giá trị sợi dây chuyền mà bị cáo đã chiếm đoạt theo kết quả định giá là 5.859.000 đồng nhưng bị cáo đã bồi thường cho chị trước được 4.000.000 đồng, còn lại 1.859.000 đồng chị yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường, ngoài ra chị Ph không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của chị Ph nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

6.1 Đối với 01 cây cưa có lưỡi bằng kim loại, có tay cầm màu cam – đen, dài 51,5^{cm}; 01 cây kéo bằng kim loại, có tay cầm bằng nhựa màu xanh, dài 23,5^{cm} và 01 cây dao có lưỡi bằng kim loại, có tay cầm bằng nhựa màu đen, dài 31^{cm} đây là công cụ bị cáo mang theo để làm phương tiện phạm tội nên cần xử tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

6.2 Đối với chiếc xe mô tô loại xe Wave Trung Quốc, màu đỏ, không có biển kiểm soát, có khố khung: VDP1P52FMH700319, số máy: WC110*201002137* mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị N khai báo chiếc xe trên là của bà mua của một người lạ không biết tên tuổi địa chỉ và xe cũng không có giấy tờ gì. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã tiến hành xác minh cũng như thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng không có kết quả. Do đó việc bà N cho rằng chiếc xe trên là của bà là không có căn cứ pháp luật nên cần phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[7] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Danh H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Danh H 06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 13/02/2019.

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 585 và Điều 589 BLDS, xử buộc bị cáo Danh H phải bồi thường cho chị Lê Thị Hoàng Ph số tiền còn lại là 1.859.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS, xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01 cây cưa có lưỡi bằng kim loại, có tay cầm màu cam – đen, dài 51,5^{cm}; 01 cây kéo bằng kim loại, có tay cầm bằng nhựa màu xanh, dài 23,5^{cm} và 01 cây dao có lưỡi bằng kim loại, có tay cầm bằng nhựa màu đen, dài 31^{cm} đều đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe mô tô loại xe Wave Trung Quốc, màu đỏ, không có biển kiểm soát, có khối khung: VDP1P52FMH700319, số máy: WC110*201002137*, không có giấy đăng ký xe và cũng không xác định được người đứng tên chủ sở hữu đã qua sử dụng.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 10/QĐ-VKSCT ngày 12 tháng 02 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Về áp phí áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử buộc bị cáo Danh H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo; người bị hại và NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong